

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày tháng năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 04/9/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục và Báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo số 397-TB/TU ngày 05/8/2021 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về chủ trương đầu tư dự án cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo;

Xét Báo cáo Thẩm định số 126/BC-SKHĐT ngày 28/5/2021, Văn bản số 2222/SKHĐT-KTĐN ngày 20/7/2021 và Văn bản số 2520/SKHĐT-KTĐN ngày 12/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010, thay đổi lần 8 ngày 29/10/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Mã số thuế: 0100104443; điện thoại: (024).38626763; Email: vilico@vilico.vn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quốc Dũng; Chức danh: Tổng Giám Đốc; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Sinh ngày: 05/10/1962; Căn cước công dân số 042062000192 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 22/3/2017; Hộ khẩu thường trú: 7.4 Sapphire 2, khu C/c Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 1002 tháp Sapphire 1, Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tên dự án: Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo;

3. Mục tiêu dự án: Chăn nuôi trâu, bò; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; giết mổ gia súc.

4. Quy mô dự án:

a) Công suất thiết kế: Hệ thống cơ sở chuồng trại chăn nuôi, vỗ béo bò thịt hoàn chỉnh sức chứa 10.000 con; công suất khai thác giết mổ bò do trang trại tự chăn nuôi khoảng 20.000 con bò thịt/năm tương đương 10.000 tấn thịt thương phẩm/năm.

b) Quy mô xây dựng dự kiến: Các hạng mục xây dựng khoảng 125.546 m² m² (gồm: Nhà điều hành, hỗ trợ; các công trình chế biến thức ăn; cụm chuồng nuôi bò; khu xử lý phân+vật liệu động chuồng; lò mổ và các khu phụ trợ; hệ thống kho trữ thức ăn – cơ giới nông nghiệp; công trình đầu mối kỹ thuật); Công trình giao thông + sân bê tông diện tích khoảng 93.560 m²; cây xanh, mặt nước với diện tích 529.136 m².

5. Vốn đầu tư của dự án: 1.670 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Nhà đầu tư là 100%.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 32 năm đến hết 18/8/2053 (theo thời hạn sử dụng đất tại quyết định số 2854/QĐ-UB ngày 19/8/2004 của UBND tỉnh và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X432517 và số X432490 ngày 18/8/2004).

7. Địa điểm thực hiện, diện tích sử dụng đất: Xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và Xã Minh Quang huyện Tam Đảo với diện tích đất khoảng 72,49075 ha đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao cho Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP thuê tại Quyết định số 2854/QĐ-UB ngày 19/8/2004 và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X432517 và số X432490 ngày 18/8/2004 (*Diện tích này đã -1,57 ha diện tích đường giao thông sẽ thu hồi dự kiến để triển khai tuyến đường Vành đai 5-Vùng Thủ đô và đoạn tuyến đường Ven chân núi Tam Đảo, kết nối giữa đường Vành đai 5 với QL2B đến Tây Thiên, đi QL2C và Tuyên Quang và -0,76345 ha diện tích bàn giao cho địa phương chênh sau khi đo thực tế*).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP góp 1.670 tỷ đồng tương đương 100% tổng vốn đầu tư dự án theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành: Dự án đi vào hoạt động sau 33 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

9. Công nghệ áp dụng: Dự án không sử dụng công nghệ hạn chế chuyên giao.

10. Ưu đãi, hỗ trợ và điều kiện áp dụng:

Dự án được xem xét hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025 và các các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định. Sau khi được quyết định chủ trương đầu tư Nhà đầu tư căn cứ quy định về ưu đãi hỗ trợ đầu tư và điều kiện được hưởng ưu đãi hỗ trợ đầu tư đề nghị được hưởng các ưu đãi hỗ trợ đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Trách nhiệm của Nhà đầu tư.

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung trong hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tự chịu trách nhiệm khi huy động các nguồn vốn để đầu tư dự án theo tiến độ đã đăng ký và hiệu quả của Dự án; chỉ được đầu tư, triển khai thực hiện dự án khi đã hoàn thành và đáp ứng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật, đảm bảo đúng các quy định về: đầu tư, kinh doanh, xây dựng, nhà ở, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động... và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án; tuân thủ đúng tiến độ thực hiện dự án đã được chấp thuận và phải tự chịu trách nhiệm về mọi rủi ro nếu không thực hiện đúng tiến độ được duyệt.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại các văn bản tham gia ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, địa phương liên quan trong quá trình triển khai đầu tư, thực hiện dự án.

4. Thực hiện việc ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời gian 60 ngày kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

5. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bình Xuyên, UBND huyện Tam Đảo để hướng dẫn thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định và thủ tục điều chỉnh giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định. Chỉ được phép triển khai dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Liên hệ với Sở Xây dựng để được hướng dẫn việc lập quy hoạch chi tiết dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng cho các hạng mục công trình theo đúng quy định trước khi triển khai đầu tư xây dựng.

7. Liên hệ với Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) để được hướng dẫn hoàn thành các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp Luật.

8. Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Vĩnh Phúc để cập nhật về giải pháp thiết kế dự án Hạ tầng giao thông kết nối Vùng Thủ đô đoạn tiếp giáp với dự án, làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo để không chùng chéo, bảo đảm tiến độ, tiết kiệm và phát huy hiệu quả đầu tư của 2 dự án.

9. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cắm mốc giới, thực hiện các thủ tục bàn giao trả lại cho địa phương 4,9839 ha đất theo phương án sau khi cô phần hóa và phân diện tích bố trí đường giao thông cho khu vực.

10. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao Thông, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan cập nhật hướng tuyến và quy hoạch tuyến đường Vành đai 5 khi triển khai lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, phê duyệt dự án đầu tư của Nhà đầu tư.

11. Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư; chế độ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 được sửa đổi tại Nghị định 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo và phải chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định pháp luật hiện hành nếu không chấp hành báo cáo hay báo cáo sai sự thực.

12. Dự án chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc Nhà đầu tư triển khai đầy đủ các thủ tục tiếp theo của dự án; thỏa thuận với Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư; theo dõi, giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án và xử lý các nội dung liên quan đến dự án theo đúng quy định pháp luật; tham mưu đề xuất triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 397-TB/TU ngày 05/8/2021.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm rà soát các quy hoạch đã được phê duyệt tại khu đất đang giao cho Nhà đầu tư, báo cáo UBND tỉnh việc điều chỉnh đảm bảo tính thống nhất (nếu có), hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện lập quy hoạch chi tiết, thẩm định thiết kế, cấp giấy phép xây dựng trước khi triển khai đầu tư dự án (chỉ thực hiện cấp phép xây dựng sau khi Dự án được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường), đảm bảo dự án được triển khai sau khi đã hoàn thành

và đáp ứng đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm:

- Đôn đốc, hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ các thủ tục, quy định về bảo vệ môi trường, đất đai và các nội dung liên quan theo quy định pháp luật.

- Hướng dẫn UBND huyện Bình Xuyên, UBND huyện Tam Đảo cập nhật quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với việc điều chỉnh mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện bàn giao quỹ đất cho địa phương quản lý theo quy định. Thực hiện thẩm định lại nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, báo cáo UBND tỉnh thực hiện giao lại đất cho Nhà đầu tư theo đúng quy định.

- Thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký Hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật; giám sát việc triển khai dự án theo chức năng nhiệm vụ.

4. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm hướng dẫn Nhà đầu tư cập nhật hướng tuyến và quy hoạch tuyến đường Vành đai 5 khi triển khai lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 và phê duyệt dự án đầu tư của Nhà đầu tư.

5. Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ) chịu trách nhiệm hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, tổ chức nghiệm thu, đánh giá an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật.

6. UBND huyện Bình Xuyên, UBND huyện Tam Đảo chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với dự án trên địa bàn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình giám sát việc triển khai thực hiện dự án; phối hợp, hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

- Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với việc điều chỉnh mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Theo chức năng nhiệm vụ được giao thường xuyên giám sát chặt chẽ việc triển khai dự án của Nhà đầu tư, kịp thời báo cáo UBND tỉnh các tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

7. UBND xã Trung Mỹ - huyện Bình Xuyên, UBND xã Minh Quang - huyện Tam Đảo chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với dự án trên địa bàn; hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; Theo chức năng nhiệm vụ được giao thường xuyên giám sát việc triển khai dự án của Nhà đầu tư, kịp thời báo cáo UBND tỉnh các tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, UBND huyện Bình Xuyên, UBND huyện Tam Đảo, UBND xã Trung Mỹ - huyện Bình Xuyên, UBND xã Minh Quang - huyện Tam Đảo theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn và quản lý đối với ngành, lĩnh vực; tiếp nhận, giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính của nhà đầu tư; giám sát chặt chẽ việc đầu tư, kinh doanh, triển khai thực hiện dự án, đảm bảo dự án chỉ được thực hiện đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh khi đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý và đáp ứng đúng, đầy đủ các điều kiện pháp luật quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Phúc; Chánh Thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc; Chủ tịch UBND các huyện: Tam Đảo, Bình Xuyên; Chủ tịch UBND xã Trung Mỹ - huyện Bình Xuyên; Chủ tịch UBND xã Minh Quang - huyện Tam Đảo; Tổng Giám đốc Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- BTVTU (b/c);
- Chủ tịch (b/c);
- Các Phó Chủ tịch;
- CPVP;
- Các Sở: KHĐT, XD, TNMT, GTVT;
- CV NN1,4,5; CN2; KT3;
- Lưu: VT.

(H b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khước

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC
Số: 261/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao đất cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP
tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2854/QĐ-UB ngày 18/8/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc hợp thức và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Xí nghiệp lợn giống ngoại Tam Đảo tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 33/TTr-STNMT ngày 02/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao đất cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư và Quy hoạch chi tiết 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 và Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 để thực hiện dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt,



xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo, diện tích giao cho thuê là **737728,5 m²** (trong đó bao gồm cả diện tích 39297,1m² đất hành lang an toàn đường điện 500KV theo các mốc chỉ giới là 152, 153, 154, 155 và diện tích 8384,6m² hành lang an toàn đường điện 110Kv theo mốc giới 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, Công ty sử dụng đất phải tuân thủ quy định về an toàn hành lang lưới điện theo đúng quy định hiện hành). Cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Tổng diện tích (m ²)	Diện tích tại xã Minh Quang (m ²)	Diện tích tại xã Trung Mỹ (m ²)	Hình thức giao	Thời hạn
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	111.981,7	93.005,9	18.975,8	Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm	Đến ngày 18/8/2053
2	Đất Nông nghiệp khác (NKH)	509.904,2	402.444,3	107.459,9		
3	Đất phi nông nghiệp khác (PNK)	14.673,3	5.693,8	8.979,5		
4	Đất Giao thông nội khu	101.169,3	80.233,7	20.935,6		
	Tổng diện tích	737.728,5	581.377,7	156.350,8		

Đối với diện tích đất thuộc phạm vi đã hợp thức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP tại Quyết định số 2854/QĐ-UB ngày 18/8/2004 dự kiến thu hồi để thực hiện tuyến đường Vành đai 5-Vùng Thủ đô, tạm thời giao cho UBND huyện Tam Đảo quản lý trên địa bàn xã Minh Quang là 12794,6m² và giao cho UBND huyện Bình Xuyên quản lý trên địa bàn xã Trung Mỹ là 5943,4m².

Vị trí, ranh giới khu đất giao cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP và UBND huyện Tam Đảo, UBND huyện Bình Xuyên nêu trên được xác định theo các mốc chỉ giới trên Mảnh trích đo địa chính giao đất theo QHCT 1/500 dự án Đầu tư cải tạo trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 12/01/2023, có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường kèm theo Tờ trình số 33/TTr-STNMT ngày 02 tháng 02 năm 2023 (ranh giới thực hiện dự án không bao gồm diện tích đất chân cột điện 718,2m² và diện tích đất ở hiện hữu đã cấp Giấy cho hộ gia đình là 2346,0m²).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Tam Đảo, UBND huyện Bình Xuyên có trách nhiệm:

1.1. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Minh Quang, UBND xã Trung Mỹ chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

1.2. Quản lý diện tích đất được giao dự kiến thu hồi thực hiện tuyến đường Vành đai 5 - vùng thủ đô nêu trên cho đến khi Nhà nước thu hồi đất giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định.

2. Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Đầu tư xây dựng công trình theo đúng tiến độ đã được ghi trong dự án, đúng QHCT 1/500 được phê duyệt. Sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới và chấp hành đầy đủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

2.2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số X 432517 và số X 432490 do UBND tỉnh cấp ngày 18/8/2004. Đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại hợp đồng thuê đất; lập hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để xác định nghĩa vụ tài chính của dự án theo quy định hiện hành.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức xác định nghĩa vụ tài chính của dự án; ký lại hợp đồng thuê đất; thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp số phát hành số X 432517 và số X 432490 do UBND tỉnh cấp ngày 18/8/2004 và thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP theo đúng quy định hiện hành.

5. Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện Tam Đảo, Bình Xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, thực hiện dự án của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tam Đảo, Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên, Chủ tịch UBND xã Minh Quang, Chủ tịch UBND xã Trung Mỹ, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - TCCP và Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Tạ Đức Đại;
- Như Điều 3;
- CV: NN5,1;
- Lưu: VT (T-07 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khước

Nguyễn Văn Khước

Số: 816 /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/9/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật số 35/2019/QH14; Luật quy hoạch 2017 số 21/2017/QH14; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP;

Căn cứ các Hợp đồng thuê đất số 2298/HĐTD ngày 03/9/2013 và số 2299/HĐTD ngày 03/9/2013 giữa UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty chăn nuôi Tam Đảo – Chi nhánh Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 432490 cấp ngày 18/8/2004 và số X 432517 cấp ngày 18/8/2004;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; Ý kiến thống nhất phê duyệt đồ án của Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 152/TTr-SXD ngày 13/4/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với nội dung như sau:



1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

3. Phạm vi lập quy hoạch: Tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo. Cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất dân cư hiện có xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên;

- Phía Bắc giáp đất dân cư hiện có xã Minh Quang, huyện Tam Đảo và đất quân sự;

- Phía Tây giáp đất dân cư hiện có xã Minh Quang, huyện Tam Đảo và đất nông nghiệp;

- Phía Nam giáp đất dân cư hiện có xã Minh Quang, huyện Tam Đảo và ĐT.302C.

4. Tính chất, quy mô.

4.1. Tính chất: Là khu chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến và chế biến sâu các sản phẩm từ thịt bò và các thịt khác, phân phối thịt bò, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương.

4.2. Quy mô đất đai 747.807,3m² (giảm 50.548,2m² so với hợp đồng thuê đất, do thu hồi lại diện tích theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc).

5. Nội dung quy hoạch:

5.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Các chỉ tiêu áp dụng của đồ án theo Quy chuẩn Việt Nam 01: 2021/BXD. Cơ cấu sử dụng đất bao gồm:

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ
1	SKC	Đất khu điều hành và chế biến	34.243,39	4,58
1.1	SKC-01	Nhà chế biến, đóng gói thịt, khu tập trung bò, sân bãi	15.586,59	
1.2	SKC-02	Nhà bảo vệ, công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	4.570,33	
1.3	SKC-03	Nhà văn phòng, nhà cầu, nhà ăn, cây xanh, sân bãi	3.010,90	
1.4	SKC-04	Nhà để xe, công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	8.963,83	
1.5	SKC-05	Nhà bảo vệ, sân bãi	140,80	
1.6	SKC-06	Công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	1.970,94	
2	KCT	Đất khu chuồng trại	113.978,00	15,24

3	KPT	Đất khu phụ trợ	85.344,48	11,41
4	KTT	Đất khu tập thể	14.752,05	1,97
5	GD2	Đất dự kiến giai đoạn 2	147.272,74	19,69
6		Đất cây xanh, mặt nước	173.775,34	23,24
6.1	CX	Đất cây xanh	144.376,79	
6.2	MNC	Đất mặt nước	29.398,55	
7		Đất hạ tầng kỹ thuật	65.505,81	8,76
7.1	HLATD	Đất hành lang an toàn điện	56.339,57	
7.2	DHT	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (bể xử lý nước thải, hồ sát trùng, trạm cân,...)	9.166,24	
8		Đất giao thông	112.935,49	15,11
8.1		Đất giao thông đối ngoại	15.673,80	
8.2		Đất giao thông nội bộ	97.261,69	
		Tổng	747.807,30	100,00

- Đất xây dựng khu điều hành, chế biến đóng gói thịt, tổng diện tích 34.243,39m², tại các lô đất ký hiệu từ SKC-01 đến SKC-06, xây dựng các công trình nhà chế biến và đóng gói thịt, khu tập trung bò trước khi giết mổ, nhà bảo vệ, công trình phụ trợ, nhà văn phòng, nhà cầu, nhà ăn, nhà để xe, cây xanh, sân bãi,...

- Đất xây dựng khu chuồng trại, tổng diện tích 113.978m², tại các lô đất ký hiệu từ KCT-01 đến KCT-09, xây dựng các công trình chuồng nuôi bò thịt, kho trung gian chất độn chuồng, giao thông sân bãi.

- Đất xây dựng khu phụ trợ, tổng diện tích 85.344,48m², tại các lô đất ký hiệu từ KPT-01 đến KPT-11, xây dựng các công trình nhà xử lý chất độn chuồng, hố chôn bò, kho chứa nguyên liệu mùa vụ, nhà xe cơ giới, kho chế biến thức ăn, nhà bảo vệ, đất cây xanh, giao thông, sân bãi.

- Đất xây dựng khu tập thể, tổng diện tích 14.752,05m², tại các lô đất ký hiệu từ KTT-01 đến KTT-05, xây dựng các công trình nhà bảo vệ, nhà nghỉ ca công nhân, nhà hội trường, cây xanh, giao thông sân bãi.

- Đất dự kiến xây dựng giai đoạn 2, tổng diện tích 147.272,74m², tại các lô đất ký hiệu từ GD2-01 đến GD2-11.

- Đất cây xanh, mặt nước, tổng diện tích 173.775,34m². Trong đó đất cây xanh có tổng diện tích 144.376,79m², tại các lô đất ký hiệu từ CX-01 đến CX-20; đất mặt nước có tổng diện tích 29.398,55m², tại các lô đất ký hiệu từ MNC-01 đến MNC-08.

- Đất hạ tầng kỹ thuật, tổng diện tích 65.505,81m². Trong đó đất hành lang an toàn điện, có tổng diện tích 56.339,57m², tại các lô đất ký hiệu từ HLATD-01 đến HLATD-06; đất hạ tầng kỹ thuật khác (bể xử lý nước thải, hồ sát trùng, trạm



cân,...) có tổng diện tích $9.166,24\text{m}^2$, tại các lô đất ký hiệu từ DHT-01 đến DHT-14.

- Đất giao thông, tổng diện tích $112.935,49\text{m}^2$, gồm đất đường giao thông đối ngoại, diện tích $15.673,8\text{m}^2$ và đất giao thông nội bộ, diện tích $97.261,69\text{m}^2$.

5.2. Tổ chức không gian và kiến trúc, cảnh quan.

5.2.1. Tổ chức không gian của khu vực lập quy hoạch là các khu điều hành, chế biến, đóng gói thịt bò, khu chuồng trại chăn nuôi, khu phụ trợ, được thiết kế với kiến trúc hiện đại, phù hợp dây chuyền công nghệ, công năng sản xuất của nhà đầu tư. Không gian cây xanh, mặt nước được quy hoạch, sử dụng làm cây xanh tập trung và cách ly. Bố trí khuôn viên, đường dạo, trồng mới cây xanh, phục vụ cho các sinh hoạt cộng đồng, cải thiện môi trường và cảnh quan cho khu vực.

5.2.2. Kiểm soát kiến trúc, cảnh quan.

- Diện tích xây dựng các công trình $28.5598,81\text{m}^2$ (diện tích xây dựng các công trình theo quy hoạch $189.286,25\text{m}^2$; dự kiến xây dựng giai đoạn 2 $96.312,56\text{m}^2$) chiếm 38,19%; tầng cao xây dựng công trình 02 tầng.

- Chi giới xây dựng, mật độ xây dựng và tầng cao công trình: Tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01: 2021/BXD của Bộ Xây dựng.

5.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

- Mặt cắt A-A, $B = 16,0\text{m}$ ($1,0 + 14,0 + 1,0$)m.

- Mặt cắt B-B và B'-B', $B = 9,0\text{m}$ ($1,0 + 7,0 + 1,0$)m.

- Mặt cắt C-C và C'-C', $B = 6,5\text{m}$ ($1,5 + 3,5 + 1,5$)m.

- Mặt cắt D-D, $B = 7,5\text{m}$ ($1,0 + 5,5 + 1,0$)m.

- Mặt cắt D'-D', $B = 6,0\text{m}$.

- Mặt cắt E-E, $B = 24,0\text{m}$ ($0,5 + 10,5 + 2,0 + 10,5 + 0,5$)m.

5.4. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

- San nền:

+ Nguyên tắc thiết kế: Bám sát vào cao độ hiện trạng của khu vực quy hoạch và khu vực lân cận, để quy hoạch cao độ san nền, đảm bảo sự khớp nối với các khu vực hiện hữu xung quanh, đảm bảo độ dốc dọc các trục đường giao thông và khả năng thoát nước cho các lô đất.

+ Cao độ san nền: Không chế cao độ cao nhất là 24.60m và cao độ thấp nhất là 13.00m .

- Thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước: Trên cơ sở cao độ san nền, xây dựng hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải; đảm bảo khả năng thoát nước theo nguyên tắc tự chảy. Hướng thoát nước về phía Tây, ra hồ điều hòa, sau đó thoát hệ thống mương hiện có.

+ Xây dựng quy chế, quy định về vệ sinh môi trường khu vực.

5.9. Kinh phí đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực để thực hiện.

Tổng kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.670 tỷ đồng, nguồn vốn của chủ đầu tư dự án. Tập trung đầu tư đồng bộ các hạng mục của dự án theo chủ trương đầu tư được duyệt.

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ quy hoạch đã được Sở Xây dựng thẩm định)

Điều 2: Ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ quy hoạch này.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Bình Xuyên và UBND huyện Tam Đảo có trách nhiệm phối hợp với Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP và các cơ quan liên quan công bố, công khai đồ án được duyệt;

2. Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP có trách nhiệm thực hiện theo QHCT được duyệt, rà soát nhu cầu, khả năng đầu tư để đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư cho phù hợp, triển khai dự án đảm bảo môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.

3. Các Sở, ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư dự án đầu tư thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai... và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên, Chủ tịch UBND huyện Tam Đảo, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Lưu: VT, CN3.

(Qg 08b)

HL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối
thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang,
huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/9/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù; Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng phía Bắc đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tại Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 25/01/2017;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP;

Căn cứ các Hợp đồng thuê đất số 2298/HĐTD ngày 03/9/2013 và số 2299/HĐTD ngày 03/9/2013 giữa UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty chăn nuôi Tam Đảo – Chi nhánh Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 432490 cấp ngày 18/8/2004 và số X 432517 cấp ngày 18/8/2004;

Căn cứ Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ ý kiến thống nhất phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch của Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh theo phiếu trình của Văn phòng UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số 554/TTr-SXD ngày 08/12/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

3. Lý do điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

Dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyên đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt nam – CTCP, được UBND tỉnh phê duyệt QHCT tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2022; quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021. Khi triển khai dự án, thực hiện các thủ tục về đất đai, số liệu diện tích đất thực tế có thay đổi so với diện tích đất theo quy hoạch; đồng thời để đáp ứng theo yêu cầu công nghệ, vì vậy, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt nam – CTCP đề xuất điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

4. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Điều chỉnh diện tích lập quy hoạch tăng 8.659,2m² từ 747.807,3m² (theo Giấy CNQSDĐ đã cấp và Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh) lên 756.466,5m² (theo hiện trạng sử dụng; mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất).

(Đề xuất điều chỉnh tăng diện tích, tuy nhiên giữ nguyên, không điều chỉnh phạm vi, ranh giới quy hoạch, do khi trình thẩm định đồ án, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã sử dụng phạm vi ranh giới theo thực tế sử dụng, số liệu diện tích quy hoạch theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh).

- Điều chỉnh diện tích 03 lô đất khu điều hành và chế biến đóng gói thịt, ký hiệu SKC-02, SKC-04, SKC-05 do giảm diện tích cây xanh nội khu, sân bãi.

- Điều chỉnh đất hành lang điện thành đất cây xanh ký hiệu CX-11A, CX-11B, CX-11C, CX-11D, một phần đất cây xanh ký hiệu CX-12, CX-17, đất mặt nước.

- Điều chỉnh một phần đất cây xanh thành đất mặt nước ký hiệu MNC-05A, MNC-05B, MNC-05C.

- Điều chỉnh tăng diện tích đất giao thông, tăng diện tích một số lô đất cây xanh theo diện tích tổng khu đất tăng thêm.

- Điều chỉnh ký hiệu các lô đất giai đoạn 2, ký hiệu GD2 thành ký hiệu SKC (điều hành và chế biến đóng gói thịt), KCT (khu chuồng trại), KPT (khu phụ trợ), làm cơ sở xác định mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định.

(Chi tiết nội dung điều chỉnh, một số nội dung điều chỉnh khác thể hiện trên 02 bản vẽ ký hiệu QH-03 và QH-03A được Sở Xây dựng thẩm định; những nội dung về hạ tầng kỹ thuật và những nội dung khác giữ nguyên theo đồ án quy hoạch được duyệt).

Bảng tổng hợp sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

ST T	Ký hiệu	Loại đất	Trước điều chỉnh, diện tích (m ²)	Sau điều chỉnh		Tăng, giảm (m ²)
				Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	SKC	Đất khu điều hành và chế biến	34.243,39	33.569,83	4,44	-673,56
1.1	SKC-01	Nhà chế biến, đóng gói thịt, khu tập trung bò, sân bãi	15.586,59	15.586,59		
1.2	SKC-02	Nhà bảo vệ, công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	4.570,33	3.973,20		
1.3	SKC-03	Nhà văn phòng, nhà cầu, nhà ăn, cây xanh, sân bãi	3.010,90	3.010,90		
1.4	SKC-04	Nhà để xe, công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	8.963,83	8.923,04		
1.5	SKC-05	Nhà bảo vệ, sân bãi	140,80	105,16		
1.6	SKC-06	Công trình phụ trợ, cây xanh, sân bãi	1.970,94	1.970,94		
2	KCT	Đất khu chuồng trại	113.978,00	113.978,00	15,07	0,00
3	KPT	Đất khu phụ trợ	85.344,48	85.344,48	11,28	0,00
4	KTT	Đất khu tập thể	14.752,05	14.752,05	1,95	0,00
5	GD2	Đất dự kiến giai đoạn 2	147.272,74	147.272,74	19,47	0,00
6		Đất cây xanh, mặt nước	173.775,34	231.761,42	30,64	57.986,08
6.1	CX	Đất cây xanh	144.376,79	187.175,87		
6.2	MNC	Đất mặt nước	29.398,55	44.585,55		
7		Đất hạ tầng kỹ thuật	65.505,81	11.261,77	1,49	-54.244,04
7.1	HLATD	Đất hành lang an toàn điện	56.339,57	0,00		
7.2	DHT	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (bể xử lý nước thải, hồ sát trùng, trạm cân,...)	9.166,24	10.543,57		

7.3		Đất chân cột điện	0,00	718,20		
8		Đất giao thông	112.935,49	116.180,21	15,36	3.244,72
8.1		Đất giao thông đối ngoại	15.673,80	15.673,80		
8.2		Đất giao thông nội bộ	97.261,69	100.506,41		
9		Đất phục vụ sản xuất	0,00	2.346,00	0,31	2.346,00
		Tổng	747.807,30	756.466,50	100,00	8.659,20

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP có trách nhiệm:

- Phối hợp UBND huyện Bình Xuyên, UBND huyện Tam Đảo và các cơ quan liên quan công bố, công khai đồ án được duyệt.

- Tổ chức thực hiện dự án theo QHCT được duyệt, thực hiện dự án đảm bảo an toàn về môi trường theo quy định. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai các thủ tục về đất đai, đầu tư trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chủ đầu tư dự án triển khai các thủ tục về đất đai, trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc liên quan đến hiện trạng sử dụng đất, ranh giới thực hiện dự án chưa phù hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

3. Các sở, ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm giám sát, hướng dẫn chủ đầu tư dự án thực hiện theo đúng pháp luật về đầu tư, đất đai và các nội dung theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Bình Xuyên, Chủ tịch UBND huyện Tam Đảo, Chủ tịch UBND xã Trung Mỹ, Chủ tịch UBND xã Minh Quang, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- CV CN1,2,2; NN5; KT6;
- Lưu: VT.

(Qg - b)

ne

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

Số: /QĐ-UBND *Vĩnh Phúc*, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ- UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc uỷ quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc tại Báo kết quả thẩm định số 445/BC-STNMT ngày 24/12/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 534/TTr-STNMT ngày 24/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo” (sau đây gọi là dự án)

của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thuộc trường hợp phải xin chấp thuận điều chỉnh theo quy định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Vĩnh Phúc

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Tam Đảo, Bình Xuyên; Chủ tịch UBND các xã: Minh Quang, Trung Mỹ; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Chủ tịch, các PCT;
 - CVP, các PCVP;
 - CV: NN5, CN1,2,3;
 - Lưu: VT, NN4.
- (H- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt,
xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo”
tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang,
huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo.

- Địa điểm thực hiện: Tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

- Địa chỉ: Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

- Phạm vi, quy mô, loại hình, công suất của Dự án:

+ Phạm vi: Dự án được thực hiện trên khu đất có diện tích 747.807,3m² tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo.

+ Quy mô dự án: Các hạng mục công trình chính gồm: Khu A: Nhà văn phòng (648m²), Nhà giết mổ, chế biến, đóng gói thịt (10.300m²), Nhà chế biến tinh (500m²); Khu B: Chuồng nuôi bò thịt (83.500m²).

Các hạng mục công trình phụ trợ gồm Khu A (Nhà ăn + locker, Khu tập trung bò trước khi giết mổ, Nhà bảo vệ, Nhà để xe, Trạm cân) và Khu B (Nhà tập thể nghỉ ca công nhân, Nhà hội trường, Nhà bảo vệ, Nhà chứa mùn cưa, Kho chế biến thức ăn, Khu chứa Silo cám, Kho chứa chất độn chuồng, Nhà xe cơ giới, trạm biến áp, nhà động lực, bể nước, Nhà chứa cây bơm dầu, Cầu rửa xe, Hồ sát trùng) và các hạng mục phụ trợ khác (cổng tường rào, đất giao thông, đất cây xanh, ao sinh học, đất dự trữ)

Các hạng mục bảo vệ môi trường: Khu A gồm: Hệ thống xử lý nước thải Khu A công suất 480 m³/ngày đêm, Bể sự cố thể tích 500m³. Khu B gồm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Khu B công suất 15m³/ ngày đêm, khu vực lưu giữ chất thải thông thường, khu xử lý chất độn chuồng, khu vực chôn lấp, xử lý bò bị bệnh...

+ Loại hình sản xuất: Chăn nuôi và giết mổ bò thịt.

+ Công suất: Khoảng 20.000 con bò thịt/năm.

Theo Mục 71, Phụ lục II, Mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình

UBND tỉnh Vĩnh Phúc xem xét phê duyệt.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bao gồm các hoạt động: Phát quang cây cối và phá dỡ một số hạng mục công trình hiện có; Hoạt động đào đắp, san nền và thi công các công trình mới và cải tạo một số hạng mục công trình hiện có. Các loại chất thải phát sinh gồm: Bụi, khí thải (từ phá dỡ các hạng mục công trình; từ hoạt động san nền, đào/đắp đất; từ hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng; từ hoạt động của máy móc thi công); Chất thải rắn (CTR sinh hoạt; CTR từ quá trình phá dỡ các hạng mục công trình cũ; CTR xây dựng từ hoạt động bóc hữu cơ bê mặt; đào móng công trình và hoạt động thi công, xây dựng); Nước thải (sinh hoạt, xây dựng); Tiếng ồn, độ rung.

b) Giai đoạn dự án đi vào vận hành

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm và phương tiện đi lại của cán bộ, công nhân viên (Muội khói, bụi, CO, CO₂, SO₂, NO_x,...); Mùi hôi, khí thải phát sinh từ khu chuồng trại, nhà xử lý chất độn chuồng; khu giết mổ, chế biến, khu xử lý phụ phẩm, (thành phần chủ yếu CH₄, NH₃,...).

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ quá trình tắm giặt, ăn uống, vệ sinh... có TSS, BOD₅; COD; Coliform cao...

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình khử trùng người, phương tiện xe ra vào; Nước thải phát sinh từ quá trình giết mổ: Nước thải từ quá trình vệ sinh xe, thay đồ, giặt vệ sinh, dụng cụ, thiết bị giết mổ, sàn: Thành phần gồm xà phòng, các chất tẩy rửa, chất rắn, hàm lượng COD, N, P, dầu mỡ, nhiều loại vi trùng, virus và trứng giun sán gây bệnh như: virus lở mồm long móng, Brucella, Salmonella, Leptospira, Microbacteria tuberculosis,... Nước thải từ các công đoạn giết mổ, sơ chế như cắt tiết, phay mổ, cắt, làm sạch phụ phẩm, nội tạng, ... Thành phần gồm chất rắn, hàm lượng COD, N, P, dầu mỡ,...; Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi: Nước thải phát sinh từ quá trình bài tiết của bò; nước thải phát sinh từ quá trình khử trùng chuồng trại (thành phần: các hóa chất khử trùng).

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân (Thức ăn thừa, túi nilon, vỏ chai lọ và các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,...)

- Chất thải rắn sản xuất: Chất thải rắn chăn nuôi: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bò. Thành phần gồm: Phân bò + nước tiểu + chất độn chuồng; bao bì đựng thùng carton không chứa chất nguy hại (bao bì chứa các thiết bị, dụng cụ chăm sóc, nuôi dưỡng bò,...), các loại dụng cụ, thiết bị khác: trong quá trình nuôi và chăm sóc bò sau thời gian sử dụng bị hư hỏng được thải bỏ như: dụng cụ dọn phân, cào phân, ủng chân, gang tay, mũ, quần áo,... Chất thải rắn từ quá trình giết mổ, chế biến, bảo quản, đóng gói. Thành phần gồm: Phân bò+ nước

tiêu+ chất độn chuồng, phụ phẩm (da, lông, chi, đầu, lòng, tiết,...), bao bì đóng gói hỏng,...

- Chất thải nguy hại: phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (Bao bì, vỏ thuốc thú y; chất sát trùng; bò chết do bệnh, dịch,...), từ quá trình giết mổ, chế biến (Gang tay, bao bì và phụ phẩm giết mổ của bò bệnh, vỏ thuốc sát trùng, khử khuẩn, hóa chất thí nghiệm thải, bao bì thải,...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Lượng nước thải thi công xây dựng (*từ phối trộn bê tông; vệ sinh máy móc, thiết bị xây dựng*) phát sinh khoảng 2m³/ngày, thành phần chủ yếu chứa đất, cát, TSS...

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4m³/ngày có BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Coliform cao.

b) *Giai đoạn vận hành:*

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu A khoảng 36 m³/ngày.đêm, từ khu B khoảng 9,6 m³/ngày.đêm, có chứa pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.

- Lượng nước thải phát sinh từ khu giết mổ: 244,3m³/ngày.đêm, chứa các thành phần hữu cơ như máu, mỡ, protein, nitơ, phospho, các chất tẩy rửa và các chất bảo quản thực phẩm.

- Lượng nước thải từ quá trình khử trùng phương tiện và người ra/vào: Tại khu A là 3m³/ngày.đêm, tại khu B là 5 m³/ngày.đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) *Giai đoạn thi công xây dựng:* Phát sinh từ phá dỡ các hạng mục công trình; hoạt động san nền; đào/đắp đất; vận chuyển vật liệu xây dựng; bóc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng; hoạt động của máy móc thi công. Thành phần: Bụi đất, bụi cát, muối khoáng, CO₂, SO₂, NO_x, VOC,...

b) *Giai đoạn vận hành:* Phát sinh từ các phương tiện vận chuyển (Bụi, SO₂, NO₂, CO, VOCs); Hoạt động sản xuất: Mùi hôi, khí thải phát sinh từ Khu B - chuồng trại, từ nhà xử lý chất độn chuồng,... (CH₄, N₂O, NH₃,...); Khí thải, mùi phát sinh từ khu A (khu giết mổ, khu chế biến, khu xử lý phụ phẩm,....

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) *Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 15-25kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Vỏ bao bì, thức ăn thừa, chai lọ,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh từ quá trình phá dỡ các hạng mục công trình cũ, (gạch, đá bê tông, thép, mái tôn, cửa gỗ,....) khoảng 10.000m³. Từ hoạt động bóc hữu cơ bề mặt khoảng 65.885,1 m³; đào san nền, đào móng công

trình phát sinh khoảng 534.976m^3 và hoạt động thi công, xây dựng khoảng $1,5\text{-}2\text{m}^3/\text{tháng}$. Thành phần bao gồm: Bùn, đất thải; gạch, đá bê tông thải,...

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 225 kg/ngày;
- Chất thải rắn chăn nuôi: Phân bò + chất độn chuồng phân bò + chất độn chuồng: 96.000 tấn/năm; *Các loại CTR khác:* Các loại bao bì, thùng carton không chứa chất nguy hại khoảng 30kg/ngày; Thức ăn thừa của bò khoảng 500kg/ngày, Các loại dụng cụ, thiết bị khác trong quá trình nuôi và chăm sóc bò sau thời gian sử dụng bị hư hỏng được thải bỏ (dụng cụ dọn phân, cào phân, ủng chân, gang tay, mũ, quần áo,...) khoảng 2.000kg/năm.

- Chất thải rắn từ quá trình giết mổ: Phân, thức ăn thừa trong ruột, dạ dày của bò khoảng 2.000kg/ngày/70 con bò thịt; Phụ phẩm như: tiết, gan, lông, sừng, đầu, lòng, xương vụn, thịt vụn,.. khoảng 10.200kg/ngày/70 con bò thịt; Chất thải rắn phát sinh từ khu vực sơ chế, đóng gói, bảo quản thịt: bao bì, khay xốp, nhựa, túi nilon, thùng carton,... hỏng trong quá trình sơ chế, đóng gói và bảo quản khoảng 3kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: CTNH phát sinh tại khu vực Dự án chỉ bao gồm một số loại như: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, một số vỏ hộp sơn, giẻ lau, găng tay dính dầu, dính sơn, .. khoảng 5-10kg/tháng

b) Giai đoạn vận hành: Thành phần gồm: Bao bì, vỏ thuốc thú y, chất sát trùng; Kim tiêm thải; Phụ phẩm thải có dính thành phần dịch, bệnh, giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; Pin thải; Bóng đèn huỳnh quang thải; Hộp mực máy in thải; ... khoảng 1.455 kg/năm.

3. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải xây dựng: dẫn dòng về hố lắng thể tích khoảng 3m^3 để lắng cặn sau đó tái sử dụng lại để tưới ẩm công trường nên không phát thải ra môi trường.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý tại nhà vệ sinh di động trên công trường (Lắp đặt 3 nhà vệ sinh đôi (*thể tích $3\text{m}^3/\text{nàh vệ sinh}$*));

- + Yêu cầu về bảo vệ môi trường Thuê đơn vị có chức năng định kỳ hút và vận chuyển chất thải từ nhà vệ sinh lưu động đi xử lý theo quy định.

b) Đối với bụi, khí thải

- Yêu cầu các xe vận chuyển nguyên, vật liệu đúng tải trọng, che đậy kín và chạy với tốc độ đúng quy định để tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường

- Các vật liệu xây dựng được che phủ bằng bạt để tránh mưa, nắng và phát tán bụi ra xung quanh;

- Tưới ẩm khu vực thi công xây dựng với tần suất 2-3 lần/ngày tùy tình hình thời tiết.

c) Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác dung tích 30 lít tại khu vực nhà quản lý công trường và nhà ở tạm cho công nhân xây dựng để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với hợp tác xã vệ sinh môi trường xã Minh Quang, xã Trung Mỹ vận chuyển đi xử lý với tần suất khoảng 02 ngày/lần

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải phá dỡ: Tận thu các vật liệu xây dựng có thể tái chế để chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế (chiếm khoảng 30%). Phần khối lượng phá dỡ không thể tận thu (ước tính khoảng 70% tương đương 7.000 tấn hay 4.667m³) sẽ được chủ đầu tư tận dụng để san gạt các vị trí trống trong Dự án.

+ Đất đào từ san gạt nền, đào móng: tận dụng toàn bộ để san nền dự án.

+ Đất nạo vét hữu cơ được tận dụng đắp vào vị trí trồng cây xanh của Dự án.

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng: Đối với các loại chất thải có thể tái chế như: Vỏ bao xi măng, đầu mấu sắt thép, bìa carton, ... được thu gom vào khu vực lưu giữ tạm thời sau đó hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế; Các loại chất thải khác như gạch vỡ, vữa thải, ... được thu gom vào khu vực lưu giữ tạm thời. sau đó liên hệ với chính quyền địa phương nơi đổ thải xác định vị trí đổ thải cụ thể, đảm bảo phù hợp về khoảng cách, cự ly vận chuyển và đúng quy định của pháp luật.

d) Biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

Được thu gom riêng biệt từng loại vào các thùng phi, sau đó tập trung tại khu vực lưu giữ tạm thời riêng biệt tại khu vực lưu giữ tạm thời có mái che để tránh mưa nắng. Sau khi hoàn thành dự án, Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

- Vạch tuyến thu gom, thoát nước mưa tạm thời trên công trường bố trí các hố lắng chặn trước khi dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

- Không tiến hành thi công xây dựng vào thời điểm từ 22 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Chỉ sử dụng các máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển đã qua kiểm định.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý chặt chẽ công nhân đến tạm trú tại khu vực dự án, hạn chế các tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nghiện hút,...để đảm bảo an ninh - trật tự khu vực.

f) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường

- Xây dựng, ban hành và buộc công nhân viên tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc tại công trường bao gồm nội quy ra vào làm việc tại công trường, nội quy về trang bị bảo hộ lao động, nội quy về an toàn điện, nội quy an toàn cháy nổ.

- Bố trí rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những khu vực nhạy cảm, có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật

- Lắp đặt các biển báo chỉ dẫn khu vực công trường, lập hàng rào ngăn không cho người dân vào khu vực thi công.

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông mương dẫn, đảm bảo nước mưa không bị lắng đọng trong khu vực thi công dự án; lượng bùn cặn phát sinh sẽ được đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Thực hiện thường xuyên công tác tẩy uế, diệt khuẩn, vệ sinh môi trường 01 lần/tuần.

3.2. Giai đoạn vận hành:

a) Thu gom và xử lý nước thải

- Đối với khu A:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại kết hợp nước thải giết mổ sẽ sau xử lý sơ bộ tại bể lắng và khử trùng được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (*công suất 480m³/ngày.đêm*), sử dụng công nghệ tiên xử lý vật lý và xử lý sinh học.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý nước thải đạt, QCVN 01-150:2017/BNNPTNT, cột A, hệ số $k_q=0,9$, $k_f=0,9$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

- Đối với khu B:

+ Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ ngày.đêm, sử dụng công nghệ sinh học (thiếu – hiếu khí kết hợp).

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số $k=1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Giảm thiểu bụi, khí thải:

- Sử dụng đệm lót sinh học (*dầm bào, mùn cưa kết hợp với chế phẩm vi sinh Atomic carbon*) kết hợp đảo xới hàng ngày bằng máy móc để giảm thiểu khí thải và mùi hôi với định lượng khoảng 4-5kg/m² chuồng trại. Đệm lót sinh học được định kỳ thay thế 1 tháng/lần sẽ

- Lắp đặt hệ thống quạt hút, thoát gió nhằm lưu thông không khí, giảm nhiệt độ trong chuồng nuôi, đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho quá trình sinh trưởng của bò và sức khỏe người công nhân.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác chuyên dụng dung tích 30 lít đặt tại các khu vực hợp lý để thu gom vận chuyển về kho lưu giữ chất thải sinh hoạt tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đối với chất thải rắn chăn nuôi: Phân bò và chất độn chuồng được thu gom định kỳ 1 tháng/lần và thay bằng lớp độn chuồng mới. Sau đó chất thải được vận chuyển đến cơ sở xử lý bằng phương pháp ủ hữu cơ.

- Đối với chất thải rắn từ quá trình giết mổ: Phân, thức ăn thừa, ô lốt bò (bằng chất độn chuồng) trong chuồng bò chờ giết mổ; Phân, thức ăn thừa trong lòng bò (sau khi giết mổ) được thu gom và chuyển đến khu xử lý chất độn chuồng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

d) Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

- Đối với bò chết do bệnh: Thực hiện tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Đối với các loại chất thải nguy hại khác: Vô thuốc thú y, chất khử trùng; bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải,... được thu gom, phân loại vào kho lưu giữ tạm thời có diện tích khoảng 50m² và thuê đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

+ Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Bố trí mặt bằng trong khuôn viên để trồng cây xanh (*vành đai cây xanh 10m bao quanh dự án*) để giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

- Xây tường bao quanh khu dự án, để giảm tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường

Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống PCCC theo đúng thiết kế được thẩm duyệt; thường xuyên phổ biến, diễn tập ứng cứu sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.

Biện pháp phòng, chống dịch bệnh: Các phương tiện và người ra/vào đều phải đăng ký và phun thuốc sát trùng; Tổ chức tiêm phòng cho vật nuôi theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên phun thuốc khử trùng; thuốc diệt côn trùng và động vật gặm nhấm xung quanh các chuồng nuôi.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

TT	Danh mục các công trình BVMT chính	Quy mô công suất/số lượng
A	Giai đoạn thi công xây dựng	
1	Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt	02 thùng loại 30 lít
2	Thùng chứa chất thải nguy hại	02 thùng loại 100 lít
B	Giai đoạn vận hành	
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	480m ³ /ngày đêm
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	15m ³ / ngày đêm
3	Kho chứa chất thải rắn thông thường	100m ²
4	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	50m ²
5	Kho chứa chất thải nguy hại	50m ²

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

Loại mẫu	Vị trí	Số lượng mẫu	Tần suất giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn thi công xây dựng				
Chất thải rắn	Khu vực tập kết chất thải rắn	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-
Chất thải nguy hại	Khu vực chứa chất thải nguy hại	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-
II	Giai đoạn vận hành thử nghiệm				
Chất thải rắn thông thường	Khu vực tập kết chất thải rắn	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-
Chất thải nguy hại	Khu vực chứa chất thải nguy hại	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-

Nước thải khu A	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 480 m ³ /ngày đêm	Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019		Lưu lượng nước thải, pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.	QCVN 01-150:2017/BNNPTN T Cột A, k _q = 0,9 và k _f = 0,9
Nước thải sinh hoạt khu B	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019		Lưu lượng nước thải, pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k = 1,2
III Giai đoạn vận hành					
Chất thải rắn thông thường	Khu vực tập kết chất thải rắn	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-
Chất thải nguy hại	Khu vực chứa chất thải nguy hại	-	Thường xuyên	Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý	-
Nước thải khu A	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 480 m ³ /ngày đêm	01	03 tháng/lần	Lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra; Nước thải sau xử lý: pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ (theo N), tổng Coliform.	QCVN 01-150:2017/BNNPTN T, Cột A, k _q = 0,9 và k _f = 0,9
Nước thải sinh hoạt khu B	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m ³ / ngày đêm	01	03 tháng/lần	Lưu lượng nước thải đầu vào đầu ra; Nước thải sau xử lý: pH, BOD ₅ , COD, tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số k = 1,2

Trang cuối./.

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: /GPXD

- Cấp cho: Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP.
- Địa chỉ: Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Được phép xây dựng công trình thuộc dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyên đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo:
 - Theo thiết kế: Thiết kế bản vẽ thi công;
 - Do: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế Tổng hợp lập;
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Trung Nam;
 - Gồm các nội dung sau:
 - Vị trí xây dựng: xã Minh Quang, huyện Tam Đảo và xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
 - Mật độ xây dựng công trình (cả 2 giai đoạn): 52,23%.
 - Các hạng mục được cấp giấy phép xây dựng:
 - * Khu A: San nền, đường giao thông, cống – hàng rào;
 - * Khu B: San nền, đường giao thông, thoát nước, cống – hàng rào.

(Chi thiết xem hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Sở Xây dựng đóng dấu cấp phép xây dựng)
- Giấy tờ về đất: Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v điều chỉnh giao đất cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với các đơn vị quản lý, cung cấp dịch vụ để thống nhất giải pháp đấu nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với khu vực.
- Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng ./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- GD Sở (b/c);
- UBND huyện Tam Đảo;
- UBND huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Minh Quang;
- UBND xã Trung Mỹ;
- Website SXD;
- Lưu: VT, QLXD.
(hvp)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hà

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung Điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC CÁC TÀI LIỆU PHÁP LÝ

(kèm theo Giấy phép xây dựng số /GPXD ngày / /2023 của Sở Xây dựng)

- Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 Trang trại chăn nuôi bò thịt, cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối thịt bò tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

- Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v Quyết định chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo.

- Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v điều chỉnh giao đất cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo; Kèm theo bản đồ địa chính

- Quyết định số 3545/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 148a/2022/VLC-DAT Đ ngày 30/11/2022 của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP v/v phê duyệt dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo;

Kèm theo văn bản số 825/CN-MTCN ngày 13/10/2022 của Cục Chăn nuôi – Bộ Nông nghiệp & PTNT v/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án.

- Quyết định số 14a/2023/VLC-DATĐ ngày 08/02/2023 của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP v/v phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên và xã Minh Quang, huyện Tam Đảo;

Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế BVTC số 142a/2022/BCTT-TTN ngày 16/12/2022 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Trung Trung Nam.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KÝ QUỸ
BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Số: **17/** 2021/VBTT

Ngày **06** tháng **12** năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH13 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định Biểu mẫu thực hiện thủ tục và Báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 08/4/2016, quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư Dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP;

Các bên:

1. Cơ quan đăng ký đầu tư:

- Tên cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.
- Địa chỉ: Số 40, đường Nguyễn Trãi, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Số điện thoại: 0211.3862.480. Fax: 0211.3862.480.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Độ – Chức vụ: Giám đốc Sở.

2. Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104443, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/6/2010, thay đổi lần 8 ngày 29/10/2020.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Mã số thuế: 0100104443; điện thoại: (024).38626763; Email: vilico@vilico.vn.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quốc Dũng; Chức danh: Tổng Giám Đốc; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Sinh ngày: 05/10/1962; Căn cước công dân số 042062000192 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân

cur cấp ngày 22/3/2017; Hộ khẩu thường trú: 7.4 Sapphire 2, khu C/c Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 1002 tháp Sapphire 1, Sài Gòn Pearl, 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thống nhất thỏa thuận một số nội dung liên quan đến bảo đảm thực hiện Dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP với các nội dung như sau:

THỎA THUẬN

Điều 1: Áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện tư Dự án Đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Tam Đảo của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP; Quyết định chủ trương đầu tư số 2216/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ với nội dung sau:

1. Số tiền ký quỹ: 22,275 tỷ đồng (*Hai mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) = 75% (3% \times 300 tỷ đồng+2% \times (1.000-300) tỷ đồng+ 1% \times (1.670-1.000) tỷ đồng (*Dự án thuộc lĩnh vực thuộc Danh mục B, ngành nghề ưu đãi đầu tư theo Phụ lục II – Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 được giảm 25% tiền bảo đảm thực hiện dự án theo Điểm a Khoản 4 Điều 26 Nghị định này*).

2. Biện pháp đảm bảo thực hiện dự án đầu tư:

Bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

3. Thời điểm, thời hạn bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

a) Thời điểm thực hiện bảo đảm: Nhà đầu tư nộp chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng về nghĩa vụ ký quỹ trước ngày 15/12/2021, nếu quá thời hạn này Nhà đầu tư chưa nộp chứng thư bảo lãnh thì Thỏa thuận này hết hiệu lực; nhà đầu tư phải thực hiện lại thỏa thuận ký quỹ đầu tư bằng hình thức nộp tiền trực tiếp vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Thời hạn thực hiện bảo đảm: Được tính từ thời điểm thực hiện nghĩa vụ ký quỹ đến thời điểm số tiền ký quỹ được hoàn trả cho Nhà đầu tư hoặc nộp vào ngân sách nhà nước hoặc đến thời điểm chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh.

4. Điều kiện hoàn trả, điều chỉnh, chấm dứt bảo đảm thực hiện dự án đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021.

5. Biện pháp xử lý số tiền bảo đảm:

a) Số tiền bảo đảm thực hiện dự án chưa được hoàn trả được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

- Dự án bị chậm tiến độ đưa vào khai thác, vận hành theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư số 2216/QĐ-



UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép điều chỉnh theo quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021.

- Dự án bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư.

b) Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ, khi đến ngày hết hạn bảo lãnh mà nhà đầu tư không gia hạn hiệu lực của bảo lãnh và không có ý kiến của cơ quan đăng ký đầu tư về việc chấm dứt hiệu lực của bảo lãnh thì tổ chức tín dụng phải chuyển số tiền bảo lãnh vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Điểm c Khoản 5 Điều 2 Thỏa thuận này.

c) Thông tin về tài khoản nhận tiền ký quỹ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc:

- Tên chủ tài khoản: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

- Địa chỉ: Số 40 - Đường Nguyễn Trãi, phường Đống Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Số Tài khoản: 42510006886888

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc;

- Địa chỉ của Ngân hàng: Số 8 Kim Ngọc, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2: Việc thực hiện ký quỹ và hoàn trả ký quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 3: Thỏa thuận này được lập thành 03(ba) bản gốc; 01 bản cấp cho Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP, 01 bản gửi cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc. /.

**ĐẠI DIỆN
NHÀ ĐẦU TƯ**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Linh Quốc Dũng

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Độ